

XUNG HÔ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI M'NÔNG PREH

(Đối chiếu với cách xưng hô giữa vợ và chồng người Việt)

Phạm Thị Hải Yến

1. Tiếng M'Nông Preh là một phương ngữ của ngôn ngữ M'Nông, thuộc tiểu nhóm Bana Nam, nhóm Bana, dòng Môn – Khơme, họ Nam Á. Phương ngữ này thường được các nhà nghiên cứu xem là phương ngữ đại diện cho tiếng M'Nông.

Xưng hô ở trong tiếng Việt cũng như trong ngôn ngữ của các dân tộc khác luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa; Đây là mảng ngôn ngữ thể hiện những nét sắc thái văn hóa ứng xử của từng dân tộc rõ nhất. Trong tiếng Việt, từ xưng hô đã được nghiên cứu nhiều nhưng cho đến nay vấn đề từ xưng hô trong ngôn ngữ M'Nông chưa có công trình nào đề cập đến. Vì vậy bài viết này chúng tôi đề cập đến từ xưng hô của người M'Nông trong một quan hệ cụ thể là xưng hô giữa vợ và chồng.

Bài viết dựa trên tư liệu điều tra, điền dã ngôn ngữ của người M'Nông Preh ở ĐăkNông. Khi phân tích để làm rõ đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa thể hiện ở từ xưng hô giữa vợ và chồng của người M'Nông Preh chúng tôi tiến hành đối chiếu với từ xưng hô giữa vợ và chồng của người Việt.

2. Cũng như tiếng Việt, trong tiếng M'Nông, ngoài các từ chỉ tên riêng, từ chỉ nghề nghiệp, từ chỉ chức tước có thể được dùng để xưng hô trong một số ít hoàn cảnh; các từ xưng hô được dùng rộng rãi, thường xuyên gồm hai nhóm, đại từ nhân xưng (ĐTNX) và các danh từ thân tộc (DTT). Các ĐTNX được dùng gồm 13 từ, thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1: Đại từ nhân từ trong tiếng M'Nông

Ngôi Số	Ít	Nhiều
Thứ nhất	<i>gáp</i> (tôi, tao)	<i>He, phung he</i> (ta, mình, chúng ta, chúng mình), <i>hên, phung hên</i> (chúng tôi, chúng tao)
Thứ hai	<i>may, ay, ih</i> (mày)	<i>khăn may, khăn ay, khăn ih</i> (chúng mày, bọn mày, các anh, các chị,...)
Thứ ba	<i>păng</i> (nó, hắn)	<i>khăn păng</i> (họ, chúng nó, bọn nó, bọn hắn...)

Danh từ thân tộc được dùng xưng hô gồm 14 từ (từ 1 – 14) thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2: Danh từ thân tộc trong tiếng M'Nông

STT	Tiếng M'Nông	Tương đương tiếng Việt	STT	Tiếng M'Nông	Tương đương tiếng Việt
1	<i>Bu ranh</i>	cụ	11	<i>oh</i>	em
2	<i>che</i>	ông	12	<i>kon</i>	con
3	<i>u</i>	bà	13	<i>mon, sau</i>	cháu
4	<i>mbôu</i>	bố	14	<i>va</i>	bác
5	<i>meá</i>	mẹ	15	<i>sâu se</i>	chất
6	<i>kôn</i>	chú, cậu, dượng	16	<i>sau</i>	chút
7	<i>yơ</i>	cô, dì, thím	17	<i>ur</i>	vợ
8	<i>uay</i>	mợ	18	<i>sai</i>	chồng
9	<i>nô</i>	anh	19	<i>maun</i>	dâu
10	<i>yuh</i>	chị	20	<i>klay</i>	rể

Khảo sát riêng từ xưng hô được dùng trong quan hệ vợ chồng, chúng tôi thấy người M'Nông cũng vừa dùng đại từ nhân xưng, vừa dùng danh từ thân tộc như người Việt nhưng khác về số lượng từ, về cách dùng và sắc thái biểu cảm, theo tuổi tác và vị thế trong gia đình (trong quan hệ với con cháu).

2.1. *Xưng hô giữa vợ và chồng khi chưa có con*

Khi chưa có con, vợ - chồng người M'Nông thường dùng đại từ *gáp* (tôi, tao) - ngôi thứ nhất số ít để xưng và hai đại từ *ay, may* (mày) ngôi thứ hai số ít để hô. Đại từ ngôi thứ nhất số ít *gáp* dùng để xưng được sử dụng rộng rãi trong gia đình và ngoài xã hội. Cho nên có thể nói đây là cặp từ thể hiện sắc thái trung hòa. Điều đó khác với tiếng Việt; vợ và chồng người Việt xưng hô với nhau phổ biến là dùng danh từ thân tộc *anh - em* nên yếu tố tình cảm gần gũi thương yêu được thể hiện rõ. Chỉ có trong hoàn cảnh đặc biệt (thường do tức, giận), vợ chồng người Việt mới dùng đại từ *tao - mày* (mang sắc thái suồng sã, thiếu tôn trọng). Một điểm khác biệt với *tao - mày* trong tiếng Việt, trong tiếng M'Nông, *ay - may* được dùng theo giới. *Ay* tuy nghĩa như *mày* trong tiếng Việt nhưng được dùng riêng chỉ đối tượng nữ (khi người được hô là phụ nữ) và *may* dùng hô gọi người đàn ông. Cho nên nếu vợ chồng đang nói chuyện với nhau, nghe phát ngôn dùng *ay* thì chúng ta biết đó là lời người chồng đang nói với vợ và ngược lại nếu dùng *may* thì đó là lời người vợ đang nói với chồng. Ví dụ:

1) - Chồng nói với vợ: *Ôi aơ, ay hăn rvăt phe rvăt dâl hât ân gáp yôu* (Sáng nay, mày đi mua gạo mua cho tao gói thuốc)

2) - Vợ nói với chồng: *Ntòuk may hăn neù? (Mày đi đâu đó?)*

- Chồng: *Gáp nchrăp hăn luh tâm mir (Tao chuẩn bị lên rẫy.)*

- Vợ: *Gáp hăn ndrér may yôu (Tao đi cùng mày)*

- Chồng: *Ay mô ru hăn ntím =ôh (Mày còn phải đi dạy học cơ mà.)*

- Vợ: *Nar aơ gáp mô geh hăn ntím (Hôm nay tao không phải đi dạy học.)*

Xưng hô được dẫn ra như đoạn hội thoại trên giữa vợ chồng trẻ người M'Nông là trong hoàn cảnh giao tiếp thân mật, đại từ *gáp - ay, may* được dùng không khác khi hai người đang tức giận nhau:

- Vợ: *Ntoùk may hăn dǐng a=aô mǝ sit ?* (Mày đi đâu mà bây giờ mới về?)
- Chồng: *Ka đôi gáp, gáp hăn mpa ndô =ô may ôp* (Kê tao, tao đi đâu mày hỏi làm gì?)
- Chồng: *May du luh vâl gáp.* (Mày đi khỏi nhà tao ngay)
- Vợ: *Gáp hăn a=aô ro* (Tao đi ngay bây giờ)

Khi xưng hô ngoài xã hội, *gáp - ay, may* được dùng với người ngoài gia đình cũng giống như giữa vợ với chồng trong gia đình, Ví dụ:

- A: *May geh Ntoùk hăn leù?* (Mày có đi đâu không?)
- B: *Gáp hăn peù biaùp* (Tao đi hái rau.)

Như vậy, cặp đại từ *gáp - ay, may* trong tiếng M'Nông có thể dùng xưng hô ngoài xã hội, có thể dùng xưng hô trong gia đình, giữa vợ với chồng, giữa anh chị em, con cháu với bố, mẹ, ông, bà. Đó là cặp từ mang tính trung hòa, khái quát, không thể hiện quan hệ thân - sơ, không bị lệ thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp.

Trong tiếng M'Nông cũng có danh từ *Nô* (anh) – *Oh* (em) nhưng cặp từ này không sử dụng trong xưng hô vợ chồng, có chăng chỉ xưng hô khi họ đang yêu, chưa trở thành vợ chồng. Tuy vợ chồng người M'Nông không dùng danh từ như *anh - em* của người Việt để xưng hô nhưng không vì thế mà nói là vợ chồng người M'Nông xưng hô không tình cảm. Do cặp từ xưng hô *gáp - ay, may* không nằm trong sự đối lập như *tao - mày* so với *anh - em* trong tiếng Việt nên không tạo ra sắc thái biểu cảm thiếu tôn trọng như *tao - mày* khi dùng trong gia đình của người Việt. Chỉ có thể nói xưng hô giữa vợ và chồng người M'Nông lúc chưa có con không có sự phân biệt với người ngoài gia đình. Sắc thái biểu cảm gần gũi thân thiết không thể hiện qua từ xưng hô *gáp - ay, may*, mà thể hiện qua các nhân tố khác trong giao tiếp. Trong tiếng M'Nông, vợ chồng thời kỳ chưa có con, lúc yêu thương, hạnh phúc hay lúc không hoà hợp, tức giận vẫn dùng cặp *gáp - ay, may* để xưng hô với nhau. Cách xưng hô này đã trở thành thói quen ứng xử của cả cộng đồng.

Như vậy, nếu so sánh cách xưng hô giữa vợ chồng người Việt và cách xưng hô giữa vợ chồng người M'Nông, thì cách xưng hô giữa vợ chồng người Việt và vợ chồng người M'Nông có sự khác biệt. Vợ chồng người Việt, ngoài dùng đại từ còn dùng danh từ thân tộc nên việc dùng từ linh hoạt tùy theo cung bậc tình cảm và thái độ giữa vợ và chồng trong từng hoàn cảnh giao tiếp, có hiện tượng thay đổi vai xưng gọi giữa họ. Ngược lại, vợ chồng người M'Nông khi chưa có con dùng đại từ *gáp* (tôi, tao) - *ay, may* (mày) xưng hô với nhau; đây là những đại từ mang sắc thái trung hoà có tính khái quát cao, gần như từ *I - You* trong tiếng Anh nhưng nếu *You* trong tiếng Anh và *tao - mày* trong tiếng Việt không phân biệt giống thì *ay, may* trong tiếng M'Nông lại dùng phân biệt theo giới rất nhất quán.

2.2. Xưng hô giữa vợ và chồng khi đã có con

Vợ chồng người Việt khi đã có con thường xưng hô uyển chuyển, khá đa dạng, không giống nhau giữa các vùng. Khi con còn nhỏ, thường vợ chồng dùng danh từ thân tộc *anh - em* để xưng hô nhưng khi con trưởng thành thì dùng có sự khác nhau giữa các vùng. Có thể là dùng *tôi - mình, em - mình* hoặc *bố (mẹ) + tên con - mẹ (bố)* v.v... Đối với người M'Nông, có con, cho tới khi con đã trưởng thành, vợ chồng M'Nông chỉ có một cách gọi nhất quán – đó là dùng danh từ thân tộc *mbôù* (bố), *meá* (mẹ) kèm theo tên

riêng con đầu lòng, theo cấu trúc: *Bố + tên con; Mẹ + tên con*. Chẳng hạn đưa con đầu lòng tên là Na, thì họ sẽ gọi nhau: *Meá Na sit sa piăng* (Mẹ Na về ăn cơm), *Mbôu Na sit sa piăng* (Bố Na về ăn cơm). Trong tiếng Việt cũng có kiểu xưng hô ví như *Mẹ (cái) Lan, bố (thằng) Thắng*, nhưng cách xưng hô này chỉ thấy xuất hiện một số vùng dân cư, hoặc tùy vào từng cặp vợ chồng. Có một số vùng ở Nghệ Tĩnh, cách xưng hô giữa vợ - chồng còn có thêm yếu tố *cu* hoặc *đi* trước tên riêng con, thể hiện giới tính. Cụ thể, nếu vợ chồng sinh con trai đầu lòng (ví dụ tên con trai là Hồng hoặc con gái là Mai) thì tên gọi cha mẹ của đứa bé sẽ gọi theo tên con đầu lòng và đi kèm yếu tố *cu* đi trước tên riêng. Ví như: *cu Hồng, đi Mai*. Trong gia đình, giữa vợ và chồng, khi suồng sã, chồng gọi vợ bằng *mẹ cu* (mẹ của thằng cu), *mẹ đi* (mẹ của con đi), ngược lại vợ cũng gọi chồng bằng *cha cu, cha đi*. Cách xưng gọi này không thấy trong tiếng M'Nông.

Vợ chồng người M'Nông gọi nhau kèm theo tên con đầu lòng là một hiện tượng phổ biến trong các vùng nói tiếng M'Nông. Đồng thời đó cũng là một nguyên tắc bắt buộc phải tuân theo trong giao tiếp và trở thành thói quen của cả cộng đồng. Hơn nữa, theo quan niệm của người M'Nông, gọi nhau kèm theo tên con là một dấu hiệu để cho mọi người biết mình đã có con, lên chức cha mẹ, tránh gọi tên trực tiếp của nhau. Cách hô gọi này đã và đang tồn tại cùng với những phong tục tập quán, văn hoá truyền thống của người M'Nông. Khi có người thứ 3 tham gia giao tiếp thì vợ chồng người M'Nông vẫn dùng cách này để xưng gọi với nhau.

Trong tình huống giao tiếp thân mật, ở một số vùng, các đôi vợ chồng người Việt đã có con, gọi nhau bằng tổ hợp gồm *danh từ thân tộc “bố”, “mẹ” + đại từ “nó”, “mày”*. Ví dụ: *Bố nó đi làm mấy giờ về? Mẹ nó đưa con đi học đi nhé*. Khi gọi nhau bằng *bố nó, mẹ nó, bố mày, mẹ mày*, cả vợ lẫn chồng ít tự xưng mình là *em* hoặc là *anh*, mà thường xưng là *tôi* (hoặc *mẹ / bố*). Lại có khi, có nơi, để thể hiện tình cảm gần gũi gia đình, giữa vợ chồng với con cái, vợ chồng người Việt có cách xưng gọi rất riêng, bằng cách “nhập vai con” để gọi theo tổ hợp “*bố + tên chồng*” hoặc “*mẹ + tên vợ*”. Ví dụ: *Mẹ Hương sáng nay đi dạy không? Bố Hùng ra đây tôi bảo cái này*. Hoặc gọi theo kiểu: *Bố (chồng) đưa mẹ (vợ) tới cơ quan được không?*

Vợ chồng người M'Nông không dùng những cách xưng hô như thế. Nhưng nếu danh từ *vợ - chồng* trong tiếng Việt không được dùng để xưng hô thì vợ chồng người M'Nông có một cách gọi rất khác trong tiếng Việt. Đó là, trong tiếng M'Nông, danh từ *sai* (chồng) *ur* (vợ) tuy không được dùng độc lập để xưng gọi nhưng lại có thể được dùng đi kèm với yếu tố khác để hô. Cụ thể, dùng danh từ thân tộc *chồng (vợ) + tên riêng vợ (chồng) + đại từ mày*; ví như: vợ tên là Sinh, chồng tên là Mê, thì cách hô sẽ là: *Sai Sinh Ntoúk may hăn neù dôh? (Chồng Sinh mày đi đâu về đó?); Ur Mê Ntoúk may hăn neù dôh? (Vợ Mê mày đi đâu về đó?)*. Cách gọi này chỉ dùng khi có người thứ 3 tham gia hội thoại; vợ chồng không xưng hô trực tiếp với nhau.

2.3. Xưng hô giữa vợ chồng khi về già, có cháu

Khi về già, có cháu vợ chồng người Việt thường xưng bằng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất *tôi* và gọi bằng thiên chức “Ông - Bà” (ví dụ: Ông: *Bà có đi thăm cháu không? Bà: Có, tôi đi cùng ông*); hoặc vai thiên chức + tên riêng (ví dụ: Ông: *Bà Hương có đi tập thể dục không? Bà: Ông Vinh thích ăn gì tôi đi chợ*).

Có một số vùng ở Nghệ Tĩnh, vợ chồng lúc về già có cháu, cách xưng gọi là: ông (bà) kèm theo yếu tố *cháu* + tên riêng ông (bà). Ví dụ: *Ông cháu Huy, bà cháu Huy* (nếu có “chất” thì cách gọi cũng vậy và “chất” sẽ thay vị trí “cháu” theo mô hình này). Cách xưng gọi này không chỉ dùng trong gia đình mà cả ngoài xã hội, thể hiện sự đề cao tính tiếp nối gia tộc giữa các thế hệ.

Đối với vợ chồng người M’Nông khi có cháu, cách xưng hô rất nhất quán, không đa dạng uyển chuyển và có phần khác nhau giữa các vùng như xưng hô của vợ chồng người Việt. Vợ chồng người M’Nông, khi đã có cháu, dù còn trẻ cũng luôn dùng cách xưng hô như khi về già, có cháu, đó là: danh từ thân tộc *che* (ông), *u* (bà) kèm theo tên của đứa cháu đầu lòng. Chẳng hạn tên của cháu là Thanh thì sẽ gọi:

- Vợ: *Che Thanh geh ngêt ndraùnh leù?* (Ông Thanh có uống rượu không?)
- Chồng: *Gáp dól jioùk moà uch ngeat* (Tôi đang mệt không uống.)
- Chồng: *U Thanh bok dak bêng vais jìh ?* (Bà Thanh đã lấy nước đầy gùi chưa?)
- Vợ: *Gáp bok leù bêng jìh?* (Tôi lấy đầy rồi.)

Cách gọi này cho thấy vợ chồng người M’Nông lúc này đã lên chức ông bà, thay cho cách xưng hô *gáp - ay, may* không còn phù hợp tuổi và vị thế trong gia đình.

Cũng giống như vợ chồng người Việt, vợ chồng người M’Nông không dùng cặp danh từ thân tộc *sai* (chồng) *ur* (vợ) để xưng hô trực tiếp với nhau, tuy vậy, như đã nói, có một điểm khác với vợ chồng người Việt, cặp *sai* (chồng) *ur* (vợ) có thể được dùng để xưng với đại từ *gáp - ay, may* đi kèm trong trường hợp có nhân vật thứ ba tham gia hội thoại. Song, nhìn chung, cũng giống tiếng Việt, *sai - ur* chủ yếu dùng để giới thiệu khi chồng hoặc vợ tham gia giao tiếp ngoài xã hội. Ví dụ:

- 1) - A: *Nđao teù mbu đah ay hăn?* (Hôm qua mày đi cùng với ai?)
- B: *Gáp hăn n’hanh sai gáp* (Tao đi cùng chồng tao)
- A: *Sai ay mpa moh ndơ kan?* (Chồng mày làm nghề gì?)
- B: *Sai gáp = ỏ nai dak si* (Chồng tao làm bác sĩ)
- 2) - A: *Ur sai àyù tâm n’sóng ndăh hòu jòu ?* (Vợ chồng mày lấy nhau lâu chưa?)
- B: *Bar năm jìh* (2 năm rồi)
- A: *Ur may mpa moh ndơ kan?* (Vợ mày làm nghề gì?)
- B: *Ur gáp = ỏ nai ntím kon se* (Vợ tao làm giáo viên.)

3. Qua khảo sát bước đầu về từ và cách xưng hô giữa vợ và chồng của người M’Nông, so sánh với cách xưng hô giữa vợ chồng người Việt ta thấy có những điểm tương đồng nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt.

3.1. Trong xưng hô giữa vợ chồng người M’Nông và vợ chồng người Việt có những nét giống nhau, đó là dùng cả đại từ và danh từ dân tộc để xưng hô, cách dùng từ xưng hô trong gia đình có sự thay đổi theo hoàn cảnh, phù hợp với vị thế và quan hệ với các đối tượng khác trong gia đình (chưa có con/có con/con đã trưởng thành). Cách gọi *Bố*

+ *tên con*; *Mẹ* + *tên con* của vợ chồng người M'Nông rất giống với cách gọi này trong tiếng Việt giữa vợ - chồng ở nhiều vùng.

3.2. Tuy vậy cách xưng hô giữa vợ chồng người M'Nông có nhiều điểm khác biệt so với xưng hô của người Việt. Trước hết là các từ được dùng, nếu vợ chồng người Việt chủ yếu dùng danh từ thân tộc *anh – em* (thể hiện sắc thái tình cảm yêu thương gần gũi) để xưng hô thì vợ chồng người M'Nông chủ yếu dùng đại từ *gâp* (tao) - *ay, may* (mày) (mang sắc thái trung hòa) nhưng có sự phân vai theo giới. Vợ chồng người M'Nông còn có cách hô khác với vợ chồng người Việt đó là việc dùng kết cấu: danh từ thân tộc *chồng (vợ)* + *tên riêng vợ (chồng)* + đại từ *mày* trong giao tiếp nếu hội thoại có người thứ ba ngoài vợ chồng cùng tham gia. Điểm khác thứ ba, vợ chồng người M'Nông không gọi trực tiếp tên nhau, cho đó là điều tối kỵ. Chính vì vậy, trong xưng hô ở vợ chồng người M'Nông không có kết cấu xưng hô: dùng danh từ thân tộc (*anh/ em*) + *tên riêng* như của người Việt (rất phổ biến). Điểm khác thứ tư, nếu cách xưng hô vợ chồng người Việt được quy định bởi luật tôn ty (*anh / em* - địa vị người chồng được đánh giá cao hơn địa vị người vợ) thì ở vợ chồng người M'Nông hoàn toàn bình đẳng với nhau (*gâp - ay, may*).

Có thể nói, cách xưng hô vợ chồng người M'Nông có những điểm khác biệt với người Việt là do thói quen của cộng đồng chứ không thể hiện trình độ nhận thức văn hóa và điều kiện sống như vợ chồng người Việt; đó cũng chính là nét riêng biệt thể hiện phong tục - tập quán, văn hóa truyền thống trong cách xưng hô của vợ chồng người M'Nông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng Canh, Từ địa phương Nghệ Tĩnh- về một khía cạnh ngôn ngữ - văn hóa, NXB Khoa học Xã hội, 2009.
2. Nguyễn Văn Chiến, “Sắc thái địa phương của các danh từ thân tộc trong tiếng Việt”, *Ngôn ngữ*, số 2, tr 53 – 57, 1991.
3. Trương Thị Diễm, *Từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong giao tiếp tiếng Việt*, Luận án Tiến sỹ Ngữ văn, Đại học Vinh, 2002.
4. Bé Viết Đăng, Chu Thái Sơn..., *Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Đắk Lắk*, NXB Khoa học Xã hội, 1982.
5. Nguyễn Hữu Hoành, “Cách xưng hô giữa vợ và chồng của người Dao Tiền”, *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 9, tr 31 – 33, 2000.
6. Nguyễn Minh Hoạt, *Lớp từ xưng hô trong tiếng Êđê* (đối chiếu với tiếng Việt), Luận văn thạc sỹ Ngữ Văn, Đại học Vinh, 2007.
7. Mai Xuân Huy, “Thử khảo sát các cung bậc của ngôn ngữ trong giao tiếp vợ chồng người Việt”, *Ngôn ngữ*, số 4, tr 42 - 49, 1996.
8. Tô Đình Nghĩa, “Về tiếng nói và chữ viết của dân tộc M' Nông”, *Tập san Khoa học Xã hội & Nhân văn*, số 73/2004, tr 67 - 73.
9. Phạm Ngọc Thương, *Xưng hô trong tiếng Nùng*, Luận án Tiến sỹ Ngữ văn, Hà Nội, 1998.
10. Bùi Minh Yến, “Xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt”, *Ngôn ngữ*, số 3/1990, tr 30 - 37.

